

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

GS.TSKH. VŨ HUY TỪ

Môi trường kinh doanh (MTKD) là những hoàn cảnh, nhân tố, điều kiện khách quan tác động trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (DN). MTKD chính là “Môi trường sống” của DN. MTKD tốt, thông thoáng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của DN, ngược lại, môi trường bị “ô nhiễm”, “đi mắc núi, về mắc sông” sẽ là những trở ngại, hạn chế DN phát triển.

MTKD gồm: *môi trường bên ngoài* (bối cảnh kinh tế - xã hội, chính sách, pháp luật của đảng cầm quyền và của nhà nước, nền hành chính, thị trường, bối cảnh thế giới và hội nhập kinh tế quốc tế, môi trường sinh thái,...) và *môi trường bên trong* - trạng thái nội bộ DN (năng lực kinh doanh, hệ thống tổ chức và cơ chế vận hành của bộ máy quản lý DN, triết lý kinh doanh và văn hoá DN trước hết là truyền thống và bầu không khí của tập thể lao động trong DN...). Bài viết này chỉ đề cập đến một số khía cạnh của môi trường bên ngoài DN trong những năm từ khi bắt đầu đổi mới lại đây ở nước ta.

1. Những mặt tích cực, hạn chế của môi trường kinh doanh ở Việt Nam liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

a. Môi trường kinh tế - xã hội ở nước ta ngày càng được cải thiện.

Trong 20 năm qua, từ sau Đại hội

Đảng lần thứ VI (cuối năm 1986) và tiếp đến các nhiệm kỳ Đại hội VII, VIII, IX và nay trước thêm Đại hội X, nhìn chung nền kinh tế phát triển với tốc độ khá nhanh, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh từng bước được cải thiện. Các DNNN và các hợp tác xã được đổi mới một cách toàn diện và sâu sắc. Các thành phần kinh tế tư nhân, cá thể, các DN có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh chóng, nền kinh tế tăng trưởng khá nhanh và tương đối bền vững. GDP tăng bình quân/năm qua các thời kỳ 1986-1990 là 4,38%, 1991-1995: 8,19%, 1996-2005: 6,74%. GDP năm 2005 ước tính đạt 815 nghìn tỉ đồng (theo giá hiện hành) bằng 3,7 lần năm 1985¹ (trước đổi mới) và gấp 2 lần năm 1995; bình quân đầu người đạt 9,8 triệu VND (tương đương 600 USD, gấp 13,8 lần năm 1955; 3,7 lần năm 1981). Kinh tế vĩ mô ổn định cùng với sự ổn định chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh là điều kiện cần để phát huy lợi thế của đất nước, của từng vùng, từng ngành và các DN. Tuy nhiên, tăng trưởng trong các thời kỳ không đều, chưa thực sự vững chắc, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, năng suất lao động chậm được cải thiện. Tăng trưởng kinh tế mới xấp xỉ đạt mức kế hoạch. Đóng góp vào tăng trưởng chủ yếu vẫn là các yếu tố phát triển theo chiều rộng, yếu tố về tiến bộ khoa học và công nghệ chưa đáng kể. Sức cạnh tranh của

sản phẩm và cả nền kinh tế còn yếu kém. Hiện nay, DN Việt Nam được xếp thứ 62/75 nước, nền kinh tế được xếp thứ 60/75 nước về sức cạnh tranh. Kể từ giữa những năm 90 thế kỉ XX, lạm phát ở mức thấp và ổn định, năm 2003 giữ được mức trung bình 3,2%. Nhưng từ năm 2004, lạm phát trở lại và liên tục tăng; năm 2004, tăng 9,5%, năm 2005, tăng 8,6% so với cuối năm 2004. Tiến bộ về xã hội chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế, tệ nạn xã hội còn nhiều, đạo đức xã hội xuống cấp, nạn tham nhũng vẫn là vấn đề nhức nhối². Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam còn thấp nhiều so với các nước trong khu vực³. Trên 50% số lao động chưa được đào tạo về nghề nghiệp, dồi dư lớn về lao động phổ thông nhưng lại rất thiếu lao động có kĩ thuật. Tỷ lệ lao động có tay nghề kĩ thuật chỉ chiếm gần 21% tổng số lao động. Nhìn chung nguồn lao động chưa đáp ứng yêu cầu trang bị công nghệ tiên tiến. Đây là một vấn đề nan giải của hầu hết các loại hình DN ở nước ta hiện nay.

b. Hệ thống thị trường từng bước được hình thành đồng bộ, tạo MTKD thuận lợi cho DN.

- *Thị trường vốn:* Việt Nam đã cải cách nhằm hướng tới minh bạch và lành mạnh hoá, nâng cao hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của hệ thống ngân hàng; phát triển các thể chế tài chính phi ngân hàng như công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty cho thuê tài chính, quỹ đầu tư...; thí điểm và mở rộng thị trường chứng khoán nhằm thúc đẩy phát triển thị trường vốn và xây dựng hệ thống tài chính phát triển cân đối hơn.

- *Thị trường lao động* đã hình thành bước đầu thông qua việc ban hành và có hiệu lực *Bộ luật Lao động*, đổi mới cơ chế quản lý lao động; sửa đổi, bổ sung chế độ bảo hiểm xã hội; hình thành rộng khắp

mạng lưới các loại dịch vụ về việc làm, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Các hình thức giao dịch trên thị trường lao động như hội chợ việc làm, môi giới việc làm và cung ứng lao động đã tạo ra sự chuyển lao động trong các ngành, vùng; việc tham gia thị trường lao động thế giới cũng được mở rộng.

- *Thị trường bất động sản* đã có những chuyển biến tích cực nhờ ban hành nhiều văn bản pháp lý về lĩnh vực này như *Luật Đất đai* được ban hành năm 1992 và sửa đổi nhiều lần. Tuy nhiên, còn nhiều vấn đề phức tạp phát sinh chưa được giải quyết. Các DN, nhất là DN dân doanh gặp nhiều khó khăn trong giải quyết địa điểm, mặt bằng kinh doanh. Các nhà đầu tư nước ngoài cũng phân nản nhiều, làm hạn chế khả năng huy động nguồn lực phát triển.

- *Thị trường khoa học và công nghệ* đang được hình thành qua việc tổ chức các hình thức chợ công nghệ và thiết bị, các hoạt động dịch vụ sản xuất và cung ứng phần mềm, chuyển giao công nghệ đến các cơ sở sản xuất - kinh doanh, tư vấn pháp luật, tư vấn quản lý. Các cơ sở khoa học và công nghệ, các nhà khoa học đã có chuyển biến về nhận thức, bắt đầu hướng về phục vụ các cơ sở sản xuất, nhận đơn đặt hàng nghiên cứu, ứng dụng, tạo ra quan hệ cung - cầu bước đầu trong một số hoạt động khoa học và công nghệ.

- Đến năm 2005 Việt Nam đã có quan hệ thương mại với 221 nước và vùng lãnh thổ, kí 90 hiệp định song phương về thương mại, trong đó nổi bật là hiệp định thương mại với Mỹ, xúc tiến việc làm thủ tục gia nhập WTO, tạo điều kiện mở rộng liên doanh liên kết sản xuất - kinh doanh và giao lưu hàng hoá với nước ngoài⁴.

Tuy nhiên, việc hình thành các loại thị trường còn quá chậm và chưa đồng bộ. Cho đến nay, chỉ có thị trường hàng hoá

dịch vụ đã được hình thành cơ bản, cơ chế thị trường đã vận hành tương đối nhịp nhàng và có tác dụng tương đối rõ; các thị trường khác còn ở mức rất sơ khai. Thị trường chứng khoán bắt đầu hoạt động từ năm 2000, cho đến nay còn quá nhỏ bé, chưa trở thành một kênh huy động vốn đáng kể của nền kinh tế; thị trường bất động sản, nhất là thị trường về quyền sử dụng đất phát triển méo mó, làm hạn chế rất lớn đến khả năng đầu tư, lại hút và kìm quá nhiều vốn xã hội bởi giá cả quyền sử dụng đất bị vống lên quá cao so với thực tế. Thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ chưa được định hình rõ rệt, còn chịu ảnh hưởng nhiều của cơ chế bao cấp cũ và thực sự chưa có tác dụng tích cực trong nền kinh tế.

Nhìn chung, cơ hội cho người dân, kể cả người nước ngoài đầu tư kinh doanh, tham gia thị trường ở Việt Nam còn rất nhiều hạn chế. Do vậy, số DN ở Việt Nam hiện nay còn quá ít. Ở các nước phát triển, tiêu chí số dân/DN trung bình là 20 người dân có một DN⁵. Con số đó ở nước ta hiện nay là 750 người dân/1 DN, thậm chí ở một vài tỉnh, con số này lên tới 3.000 người/1 DN, chưa nói đến quy mô các DN ở Việt Nam còn quá nhỏ bé, kĩ thuật công nghệ thấp kém, năng lực cạnh tranh thấp xa so với DN ở các nước. Mô hình tổ chức, quản lý kinh doanh của các DN ở nước ta cũng đang trên quá trình dò dẫm, tìm tòi thí điểm và chưa định hình rõ rệt. Trong môi trường như vậy, các DN nước ta rất khó vươn lên để thích nghi kịp với sự phát triển nhanh chóng của thị trường quốc tế hiện đại vốn cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

2. Phương hướng, giải pháp tạo môi trường thông thoáng cho doanh nghiệp.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục giữ vững và tăng nhịp độ phát triển kinh tế hàng năm 7,5 - 8%, đồng thời bảo đảm

nâng cao chất lượng của tăng trưởng kinh tế trên cơ sở Nhà nước tập trung đầu tư mạnh phát triển cơ sở hạ tầng và chỉ đầu tư cho những ngành kinh tế trọng điểm, mũi nhọn tạo khâu đột phá cho toàn nền kinh tế, đồng thời tạo môi trường thông thoáng cho người dân trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư phát triển ở mọi ngành kinh tế, mọi lĩnh vực kinh doanh mà pháp luật không cấm. Đảm bảo đến năm 2010 đạt tỉ lệ bình quân 70 người dân có 1 DN (bằng mức bình quân này trên thế giới hiện nay), nghĩa là phải có khoảng 1,2 triệu DN, gấp xấp xỉ 50 - 60 lần số DN có hiện nay. Đồng thời, phải tạo điều kiện để mở rộng quy mô và tăng sức cạnh tranh cho mỗi DN.

Điều kiện tiên quyết để có thể thực hiện được mục tiêu và các phương hướng cơ bản ở trên là *tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp tổ chức số DNNN còn lại* nhằm một mặt rút bớt số vốn nhà nước hiện có trong số DNNN này (tới trên 90% tổng số vốn toàn hệ thống DNNN) để dành cho đầu tư vào những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế và xây dựng hạ tầng cơ sở phục vụ dân sinh⁶. Để tránh tình trạng thất thoát vốn hoặc biến cổ phần hoá (CPH) thành tư nhân hoá ở không ít DNNN trong thời gian qua, cần vận dụng quan hệ thị trường trong CPH bằng cách áp dụng hình thức cơ quan chủ quản cấp trên của DNNN ở trung ương hoặc ở địa phương thành lập Hội đồng CPH không có thành viên là người trong DN sẽ CPH, thực hiện nhiệm vụ đánh giá DN cho khách quan. Giá trị của DN cần bao gồm giá trị sử dụng đất, đồng thời bán cổ phần theo phương thức đấu thầu công khai qua thị trường chứng khoán. Nhà nước chỉ giữ cổ phần chi phối ở những DN thuộc ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Hàng loạt DNNN khác, Nhà nước chỉ giữ

cổ phần dưới 50% hoặc không nhất thiết phải giữ vốn mà bán hết cổ phần cho công nhân viên của DN, cán bộ, nhân dân ngoài DN và người đầu tư nước ngoài.

Cần tổng kết, đánh giá việc thí điểm mô hình tổ chức tập đoàn kinh tế, mô hình công ty mẹ - công ty con. Bản thân công ty mẹ cũng cần được CPH, không để 100% vốn nhà nước, vì thực tế đã cho thấy, DNNN thường còn chịu ảnh hưởng rất nặng của cơ chế cũ, lại khó xác định được người chủ sở hữu đích thực nên hoạt động kém hiệu quả.

Khắc phục tình trạng không đồng bộ, chưa hoàn chỉnh và hiệu lực thi hành thấp của hệ thống luật pháp, chính sách. Kể từ những năm đầu đổi mới đến nay Quốc hội và UBTV Quốc hội đã ban hành 145 luật, bộ luật, 149 pháp lệnh và hàng nghìn văn bản pháp quy dưới luật (nghị quyết, nghị định, quyết định, chỉ thị của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ và thông tư của các bộ, ngành ở trung ương). Tuy nhiên nội dung các luật và pháp lệnh còn nặng về những nguyên tắc chung, ít có những chế định cụ thể. Để đưa luật, pháp lệnh vào thực hiện thường phải ban hành tiếp các nghị định, thông tư của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương. Thông thường, các văn bản này ban hành quá chậm (có trường hợp chậm nhiều năm sau khi luật có hiệu lực), không đủ, không đồng bộ, không nhất quán, thậm chí trái ngược với nội dung của luật, pháp lệnh. Nhiều luật cần thiết cho quản lý kinh tế, nhất là quản lý DN, quản lý kinh doanh, cho đến nay vẫn chưa được ban hành hoặc đã ban hành nhưng không đáp ứng được yêu cầu quản lý trong nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế rộng, sâu như hiện nay như *Luật Thị trường bất động sản*, *Luật Đầu tư*, *Luật Doanh nghiệp* (thống nhất cho các thành phần kinh tế),

Luật Thị trường khoa học - công nghệ; các chế tài xử lý vi phạm pháp luật còn quá nhẹ nhàng chưa có tác dụng răn đe hoặc xử phạt nghiêm. Rõ ràng, một yêu cầu bức thiết đặt ra là Quốc hội cần nhanh chóng ban hành đồng bộ các luật về quản lý kinh tế, quản lý kinh doanh và DN như các luật về các loại thị trường (thị trường lao động, thị trường bất động sản, thị trường tài chính - vốn, thị trường khoa học - công nghệ...). *Luật Đầu tư* thống nhất, *Luật Doanh nghiệp* chung cho mọi thành phần kinh tế. Các luật phải có nội dung rõ, gọn, cụ thể, không chỉ dừng ở những quy định chung mà phải có các điều khoản quy định cụ thể có thể thi hành mà không cần có nghị định hay thông tư hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành ở trung ương. Trường hợp với luật cần có nghị định kèm theo thì ngay trong khi dự thảo luật Chính phủ cũng phải tiến hành làm ngay dự thảo nghị định để trình Quốc hội xem xét đồng thời, bảo đảm sau khi ban hành luật, không phải chờ ban hành nghị định của Chính phủ. Nền xã hội hoá công tác dự thảo luật bằng cách tạo điều kiện cho đông đảo nhân dân, cá nhân các nhà khoa học, các luật gia, các tổ chức đoàn thể, xã hội, các công ty, các hiệp hội ngành nghề kinh doanh, các doanh nhân được tham gia đề xuất ý kiến, tham gia xây dựng dự thảo. Từng cá nhân hay nhóm đại biểu Quốc hội được quyền đứng ra tổ chức tập hợp ý kiến các nhà khoa học, các chuyên gia, các doanh nhân và các cử tri nói chung trong vùng, ngành đề xuất, nghiên cứu, xây dựng và trình Quốc hội các dự án luật, hoặc đứng ra lấy ý kiến cử tri đóng góp ý kiến về các dự án luật trước khi thảo luận ở Quốc hội. Sau khi ban hành luật, các cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể, các tổ chức xã hội và các địa phương (xã, phường, tổ dân phố, cơ sở kinh doanh) tổ chức phổ biến,

học tập và có chương trình, để án thi hành luật ở tổ chức, đơn vị mình. Nếu làm được như vậy chắc chắn là sẽ tập hợp được đông đảo ý kiến của nhân dân, luật sẽ được ban hành nhanh chóng, nội dung sẽ sát thực tế và sẽ “chín” hơn. Ngoài ra, cũng cần có chế tài mạnh hơn trong việc xử lý vi phạm pháp luật, cụ thể là bên cạnh việc xử lý nghiêm về hành chính, hình sự, không phân biệt đối xử giữa các đối tượng vi phạm theo chế độ sở hữu (các thành phần kinh tế), theo chức vụ công tác, địa vị xã hội, còn phải sử dụng mạnh hơn các hình phạt cao về kinh tế, cụ thể là mức bồi thường hay phạt phải tới 70-90% tổng giá trị gây thiệt hại về kinh tế do hành vi vi phạm pháp luật gây ra.

Cải cách hành chính đã được xúc tiến từ giữa năm 1994 mà khâu đột phá là cải cách thủ tục hành chính đã đạt được những kết quả quan trọng như tinh giản bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương; đã ban hành *Pháp lệnh Cán bộ công chức*, đã áp dụng đến hàng trăm xã mô hình “*Một cửa*”, đã cải cách chế độ tiền lương,... Tuy nhiên, nền hành chính vẫn tỏ ra còn nhiều vấn đề bất cập trong quản lý kinh tế, xã hội; chẳng hạn như vấn đề về cơ quan chủ quản, hành chính cấp trên của DN, chưa tách được QLNN với quản lý kinh doanh của DN; vẫn còn nhiều cơ quan nhà nước can thiệp quá sâu và sự vụ vào hoạt động của DN; tệ tham nhũng, sách nhiễu trong giải quyết các thủ tục hành chính với dân, với DN còn nhiều. Tình hình này đã và đang góp phần làm vẩn đục thêm MTKD của DN; hậu quả là phải kéo dài thời gian làm thủ tục thành lập, đăng ký kinh doanh, phải thêm nhiều chi phí trong quá trình làm thủ tục đầu tư.

Một số tình hình nêu trên cho thấy phải xúc tiến cải cách nền hành chính mạnh mẽ và triệt để hơn nữa, đặc biệt

phải tập trung vào cải cách thể chế và thủ tục hành chính, tránh tình trạng hình thức “*Một cửa*” nhưng nhiều “khóa”, nạn tự tiện “đề” ra các loại “giấy phép con” trá hình, nạn phong bao “thủ tục đầu tiên - tiên đầu” sách nhiễu dân, gây cản trở việc dân đầu tư tham gia kinh doanh.

Cần có chế độ kiểm tra, thanh tra nghiêm ngặt đối với công chức trong thi hành công vụ, nhất là trong quan hệ với dân; có chế tài xử lý nghiêm đối với công chức vi phạm pháp luật, đặc biệt là những vi phạm quy định về thủ tục hành chính. Đồng thời, phải đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực về pháp luật, về chuyên môn nghiệp vụ hành chính, về tác phong và lễ lối làm việc, để cao tính trách nhiệm, giáo dục đạo đức, phẩm chất cho cán bộ, công chức ở mọi cấp, mọi ngành từ trung ương đến địa phương và cơ sở □

1. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thời báo Kinh tế Việt Nam số 175/2005.

2. Vào tháng 10-2004, theo công bố của Tổ chức Minh bạch quốc tế, chỉ số tham nhũng của Việt Nam là nước đứng thứ 106/146 nước.

3. Theo sự xếp hạng của Liên hiệp quốc vào năm 2005, mức giá trị HDI của Việt Nam đứng thứ 108/177 nước, thấp xa so với nhiều nước trong khu vực.

4. Báo cáo tổng kết 20 năm đổi mới (1986-2006) của Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận, BCHTW Đảng; NXB. CTQG, H. 2005, tr. 75.

5. Chỉ tiêu này ở Hồng Kông, Xinh-ga-po, Đài Loan, Hàn Quốc là 5 người; ở CHLB Đức, Pháp, Anh là 8-9; ở Mĩ, Nhật Bản là 12-13 người.

6. Ước tính khoảng 13 tỉ USD, chưa kể giá trị quyền sử dụng đất. Nếu bán đấu giá công khai (kinh nghiệm của một công ty ở Hải Phòng), tạm tính Nhà nước sẽ thu được số tiền khoảng 65 tỉ USD là rất lớn (Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Trung tâm thông tin và dự đoán kinh tế - xã hội quốc gia, chuyên đề phục vụ lãnh đạo số 6 - H. 2005, tr. 9).